

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2017/HSST
Ngày: 28/9/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Thị Mỹ Trúc

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Phal

2. Bà Nguyễn Thị Tua

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Huỳnh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trương Thanh Triệu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 35/2017/HSST, ngày 12 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN C, sinh năm: 1987; tên gọi khác: không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp A, xã V7, huyện V, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 03/12; con ông: Trần Văn K (chết) và bà Lê Thị E, sinh năm 1954; vợ: Võ Thị Diễm M, sinh năm 1989; con: Trần Võ Duy K, sinh năm 2009 và Trần Võ Diễm K1, sinh năm 2013;

Có 03 tiền án:

- Ngày 14/6/2007, bị TAND tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản;

- Ngày 17/6/2009, bị TAND huyện V, tỉnh Hậu Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội đánh bạc;

- Ngày 30/11/2010, bị TAND huyện V, tỉnh Hậu Giang xử phạt 24 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Bị can đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội.

Có 01 tiền sự : ngày 26/4/2017 bị UBND xã V7, huyện V, tỉnh Hậu Giang áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn với thời gian là 06 tháng vì đã có hành vi “*sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2017 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Ông Võ Quang T, sinh năm 1945.

Trú tại: ấp A, xã V5, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Thanh N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp A, xã V5, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Ông Dương Văn K, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp A, xã V9, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Trung N1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện V truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 06/4/2017, Phạm Thanh N (sinh năm 1984, ĐKTT ấp 12, xã Vị Thắng, huyện V) đến nhà của Trần Văn C với mục đích rủ C đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. N nói với C là “*hết tiền, đi làm mấy oi*” (nghĩa là đi trộm chó) thì C đồng ý. Sau đó, N sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Dream mang BKS 64F7-4086 (xe của N mua của một người tên là Nhựt ở tỉnh Vĩnh Long nhưng chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở C đi tìm chó để bắt. Khi đi, C và N mang theo bộ dụng cụ gồm: một cục tích điện, một cây súng điện tự chế, dây thun và một cái bao đựng chó. C gắn cục tích điện vào bình ắc quy trên xe của N rồi cả hai chạy xe theo tuyến Quốc lộ 61 đến Ủy ban nhân dân xã Vị Thắng cách một đoạn khoảng 200 mét thì gặp một con chó cái có lông màu đen trọng lượng khoảng 12kg của ông Võ Quang Triệu (sinh năm 1945, ĐKTT ấp A, xã V5, huyện V) đang chạy ở trên đường lộ. Lúc này, N dừng xe lại để cho C lấy súng tự chế bắn con chó, khi con chó bị bắn trúng thì C bước xuống xe dùng băng keo quấn miệng của chó và ôm chó bỏ vào cái bao để tránh bị người dân phát hiện. Tiếp đó, N chạy xe chở C về hướng thị xã L, tỉnh Hậu Giang nhằm mục đích tiếp tục tìm chó để bắn. Khi đến lộ Ba Xi thuộc địa phận của thị xã L thì cả hai phát hiện một con chó màu vàng trọng lượng khoảng 09kg, N dừng xe lại và C dùng súng tự chế bắn con chó. Sau khi bắn được chó, C xuống xe lấy băng keo đen quấn miệng chó lại rồi bỏ vào bao để lên xe. N điều khiển xe chở C và con chó vừa trộm được chạy về huyện V tìm nơi tiêu thụ, khi đến quán Chứa Diệp thuộc ấp A, thị trấn V thì bị một số người dân phát hiện đuổi theo. Lo sợ bị bắt nên C và N vứt bỏ bao đựng 02 con chó xuống lộ rồi chạy về cổng

Hai Lai thuộc ấp A, xã V7, huyện V để trốn. Lúc này, có ông Phạm Văn H (sinh năm 1955, ĐKTT ấp A, xã V5) là người trực tiếp đuổi theo nhưng không bắt được N và C. Tuy nhiên, ông Háo có giữ lại một cái bao trong đó có đựng một con chó cái lông màu đen do N và C bỏ lại và mang đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để giao nộp và trình báo sự việc.

Đến ngày 08/4/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện V mời Trần Văn C và Phạm Thanh N làm việc thì C và N đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản và tự nguyện giao nộp các đồ vật mà các đối tượng dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội gồm: 02 cuộn dây thun có gắn chỉ buộc chặt một đoạn; 04 bộ cựa sắt các loại; 01 chiếc xe mô tô BKS 64F7-4086 (trong cốp xe có 01 cuộn băng keo màu đen); 01 bộ dụng cụ bắn chó: 01 cục tích điện được quấn băng keo màu đen có gắn cá sợi dây điện màu đỏ - xanh; 01 cây súng bằng cây trên thân súng có 02 chùm dây thun màu xanh và 01 ống nhựa được quấn băng keo màu đen; 01 thân cây dài 04cm (01 đầu có 02 mũi chĩa bằng kim loại có sợi dây điện màu đỏ được quấn vào 02 thanh chĩa bằng kim loại).

* Tại Bản kết luận giám định số 116/KL-HĐ.ĐGTS ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện V đã kết luận (BL 43): *“Tổng giá trị của một con chó thường, giống chó cái, lông màu đen, trọng lượng 12kg là 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng)”*.

Tại Cáo trạng số 35/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn C theo tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu. Tuy nhiên có điều chỉnh nội dung cáo trạng về tiền án tại trang 4, dòng thứ 6 từ dưới lên do sai sót khi soạn thảo, điều chỉnh lại là “... 24 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản...” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự, Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Đây là mức hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 500.000 đ. Bị cáo đồng ý bồi thường.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trần Văn C đều thừa nhận hành vi bị cáo đã thực hiện, đối chiếu lời thừa nhận của bị cáo với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án chứng minh được:

Vào khoảng 23 giờ ngày 06/4/2017, Phạm Thanh N rủ Trần Văn C đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. N sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Dream mang BKS 64F7-4086 và bộ dụng cụ tự chế chở C đi tìm chó để bắt. N và C trộm 01 chó cái có lông màu đen trọng lượng khoảng 12kg của ông Võ Quang T ở xã Vị Thắng, huyện V và 01 con chó lông màu vàng trọng lượng khoảng 09kg.

Tại Bản kết luận giám định số 116/KL-HĐ.ĐGTS ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện V đã kết luận giá trị con chó lông màu đen mà bị cáo đã trộm là 840.000đ (tám trăm bốn mươi nghìn đồng)".

Bị cáo Trần Văn C đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Điều này chứng tỏ bản thân bị cáo xem thường pháp luật, trong khi bị cáo là người có tiền án, mới chấp hành án xong nhưng không tự mình lao động chân chính, tu dưỡng bản thân, trái lại chỉ vì muốn nhanh chóng có tài sản nhằm phục vụ lợi ích cá nhân mà xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo cần có hình phạt tương xứng mới đủ sức răn đe và cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, khi lượng hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét bị cáo có trình học vấn thấp nên còn hạn chế về nhận thức, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo và người bị hại đã thỏa thuận được với nhau về số tiền bồi thường. Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại số tiền 500.000đ. Xét thấy đây là sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về vật chứng vụ án:

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 64F7 – 4086 là xe của Phạm Thanh N. N khai mua của người không xác định được nhân thân lai lịch ở Vĩnh Long. Qua

xác minh thì xe do ông Nguyễn Trung N1 đứng tên chủ sở hữu. Ông N1 khai xe bị mất trộm tại xã Vĩnh Trung. Xét thấy hành vi của Phạm Thanh N chưa đủ định lượng để xử lý hình sự và chưa làm rõ được về nguồn gốc xe nên Hội đồng xét xử giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh và giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với tang vật là con chó màu đen Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiêu hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các vật chứng còn lại gồm: 01 (một) cục tích điện được quấn bằng keo màu đen có gắn các sợi dây điện màu đỏ - xanh; 01 (một) cây súng làm bằng cây trên thân súng có 02 chùm dây thun màu xanh và có gắn ống nhựa được quấn bằng keo màu đen; 01 (một) khúc cây dài 04cm, một đầu có 02 mũi chĩa bằng kim loại có sợi dây điện màu đỏ gắn vào 02 mũi chĩa; 01 (một) bao đựng lúa (đã qua sử dụng); 02 (hai) cuộn dây thun có gắn chỉ buộc chặt một đoạn; 04 (bốn) bộ cưa sắt các loại; 01 (một) cuộn băng keo màu đen không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với hành vi trộm chó ở thị xã Long Mỹ, mặc dù bị cáo Trần Văn C và Phạm Thanh N khai có đến địa bàn phường Vĩnh Tường, thị xã Long Mỹ bắt trộm được một con chó màu vàng nhưng khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V tiến hành xác minh, truy tìm chủ sở hữu thì đã được chính quyền địa phương và Công an phường Vĩnh Tường, thị xã Long Mỹ xác nhận không có sự việc mất trộm chó. Mặt khác, tang vật mà C và N bỏ lại tại hiện trường được người dân giữ để giao nộp cho Cơ quan Công an chỉ có một con chó cái lông màu đen nên chưa có đủ căn cứ để định giá tài sản và buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lần vi phạm này.

Đối với Phạm Thanh N là người chủ động rủ rê và sử dụng phương tiện xe mô tô BKS 64F7-4086 chở bị can Trần Văn C đi trộm chó, tuy nhiên do giá trị tài sản mà C và N trộm cắp theo kết quả giám định là chưa đủ định lượng để xử lý N về tội trộm cắp tài sản nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V cũng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thanh N.

Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí và được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 12 (mười hai) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/7/2017. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để bảo đảm thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại số tiền 500.000 đ (năm trăm ngàn đồng).

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; các Điều 74, 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao xe mô tô biển kiểm soát 64F7 – 4086 cho cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền.

Các vật chứng còn lại gồm: 01 (một) cục tích điện được quấn băng keo màu đen có gắn các sợi dây điện màu đỏ - xanh; 01 (một) cây súng làm bằng cây trên thân súng có 02 chùm dây thun màu xanh và có gắn ống nhựa được quấn băng keo màu đen; 01 (một) khúc cây dài 04cm, một đầu có 02 mũi chĩa bằng kim loại có sợi dây điện màu đỏ gắn vào 02 mũi chĩa; 01 (một) bao đựng lúa (đã qua sử dụng); 02 (hai) cuộn dây thun có gắn chỉ buộc chặt một đoạn; 04 (bốn) bộ cựa sắt các loại; 01 (một) cuộn băng keo màu đen không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) án phí phần trách nhiệm dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bị hại;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quách Thị Mỹ Trúc